

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019**

---

*Tháng 4 năm 2020*

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 47

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Ông Lưu Hoàng Long	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 31/05/2019

#### **Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung	
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2019
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán Trưởng	

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo Giấy ủy quyền số 564 UQ/ĐT-TB ngày 01/12/2019 của Ông Lê Thanh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam ủy quyền cho Ông Bùi Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc là người ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Bùi Mạnh Hùng**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 08/04/2020, từ trang 07 đến trang 47 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức đã được kiểm toán với “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” từ các vấn đề sau:

- Kiểm toán viên của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản công nợ tại ngày 31/12/2019 bao gồm khoản mục Trả trước cho người bán ngắn hạn số tiền 10.380.046.653 đồng, khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn 1.076.834.397 đồng, khoản mục Người mua trả tiền trước ngắn hạn 2.221.847.998 đồng và khoản mục Phải trả ngắn hạn khác 2.415.075.572 đồng, các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho kiểm toán viên cơ sở để đánh giá các khoản mục công nợ này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính;

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, phải thu khách hàng và phải thu về cho vay ngắn hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1 (VTD1). Công ty không trích lập dự phòng do VTD1 có kế hoạch kinh doanh, cam kết và lộ trình thanh toán. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam thì chỉ tiêu “Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi” sẽ tăng lên 4.038.719.943 đồng, chỉ tiêu “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” sẽ tăng lên 692.579.926 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng 692.579.926 đồng và Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng 4.038.719.943 đồng. Do đó, khoản đầu tư vào VTD 1 được đánh giá theo phương pháp giá gốc;

- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức còn tồn kho một số mặt hàng chậm luân chuyển với tổng giá trị tồn số tiền 2.860.227.579 đồng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho các hàng tồn kho chậm luân chuyển nêu trên, do tin tưởng rằng sẽ không có sự sụt giảm giá trị hàng tồn kho trong tương lai;

- Đến ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện khấu hao cho một số tài sản cố định với tổng nguyên giá là 7.212.793.288 đồng tương ứng với số khấu hao tài sản cố định lũy kế từ 01/01/2016 tới 31/12/2019 số tiền 4.030.197.596 đồng (số khấu hao tài sản cố định từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 là 1.202.132.215 đồng) và phân bổ công cụ dụng cụ với số phân bổ lũy kế từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 là 281.715.411 đồng, do các tài sản này vận hành chưa có hiệu quả sau khi được chuyển về từ Công ty TNHH Công nghệ Led Ánh sáng mới trong năm 2015.

Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến đánh giá các vấn đề trên và ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp đã được kiểm toán với “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” do Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi. Do đó, Kiểm toán viên không thể xác định được ảnh hưởng đến số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam chưa được kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán số liệu của Công ty này, các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0666- 2018- 112- 1

**Lê Quang Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 3660- 2017- 112- 1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>691.516.653.112</b>	<b>986.331.140.503</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>101.507.704.988</b>	<b>127.198.595.697</b>
Tiền	111		28.007.704.988	36.668.390.198
Các khoản tương đương tiền	112		73.500.000.000	90.530.205.499
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>62.505.057.180</b>	<b>98.793.128.068</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5.1.a	287.396.250	287.396.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1.b	62.217.660.930	98.505.731.818
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>306.223.088.754</b>	<b>558.956.761.750</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	272.240.667.220	521.910.946.898
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15	39.793.014.134	36.419.012.514
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		900.000.000	900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	27.453.938.076	33.447.997.460
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(34.355.801.591)	(33.914.565.425)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		191.270.915	193.370.303
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>206.086.574.603</b>	<b>189.440.754.564</b>
Hàng tồn kho	141		209.921.343.723	194.581.490.733
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.834.769.120)	(5.140.736.169)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.194.227.587</b>	<b>11.941.900.424</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	6.506.181.135	4.804.361.466
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.673.923.636	6.098.470.917
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.014.122.816	1.039.068.041
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>275.871.206.544</b>	<b>255.619.278.327</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.530.707.140</b>	<b>12.147.556.564</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212		15.343.741.940	8.330.535.680
Phải thu dài hạn khác	216	7	186.965.200	3.817.020.884
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.221.987.152</b>	<b>108.168.815.969</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	63.344.671.604	69.408.695.855
- Nguyên giá	222		191.356.496.159	192.687.957.163
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.011.824.555)	(123.279.261.308)
Tài sản cố định vô hình	227	12	37.877.315.548	38.760.120.114
- Nguyên giá	228		46.228.427.733	46.488.915.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.351.112.185)	(7.728.795.217)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>8.937.290.031</b>	<b>9.416.551.983</b>
- Nguyên giá	231		37.747.597.125	37.747.597.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.810.307.094)	(28.331.045.142)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>41.461.266.694</b>	<b>36.129.786.391</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		41.461.266.694	36.129.786.391
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>92.204.220.780</b>	<b>66.169.124.585</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5.2.1	-	1.491.178.546
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.3	62.010.370.854	46.560.696.277
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2.2	29.621.270.000	29.915.290.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(1.107.420.074)	(14.015.410.714)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.1.b	1.680.000.000	2.217.370.476
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.515.734.747</b>	<b>23.587.442.836</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.977.200.111	14.933.312.680
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.538.534.636	8.654.130.156
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>967.387.859.656</b>	<b>1.241.950.418.830</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>340.794.936.705</b>	<b>589.399.356.950</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>274.652.858.688</b>	<b>563.433.705.460</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	142.770.020.561	368.482.413.970
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.099.661.330	29.577.773.201
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.320.689.498	7.299.205.725
Phải trả người lao động	314		10.842.893.687	11.312.181.998
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.547.463.633	8.607.086.815
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		412.227.500	655.720.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	10.037.522.553	36.529.289.936
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	51.650.121.384	80.446.595.912
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		14.911.222.000	16.418.922.994
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.061.036.541	4.104.514.910

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.142.078.017</b>	<b>25.965.651.489</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	3.497.356.796	3.497.356.796
Phải trả dài hạn khác	337	18	31.916.801.083	11.567.829.280
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	17.277.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		13.450.920.138	10.900.465.413
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>626.592.922.951</b>	<b>652.551.061.881</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>626.232.922.951</b>	<b>637.388.174.881</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(13.064.952.951)	(13.168.376.473)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(19.974.146.692)	(20.110.700.745)
Quỹ đầu tư phát triển	418		59.962.344.145	60.334.783.182
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.664.979.162	19.652.211.623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.173.714.700	12.890.318.326
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6.508.735.538)	6.761.893.297
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		143.618.079.582	152.653.637.589
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>360.000.000</b>	<b>15.162.887.000</b>
Nguồn kinh phí	431		360.000.000	15.162.887.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>967.387.859.656</b>	<b>1.241.950.418.830</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



**Vũ Văn Tuấn**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Trung Dũng**

Phó Tổng Giám đốc



**Bùi Mạnh Hùng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2019	Năm 2018
	số	minh	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>795.678.507.034</b>	<b>1.111.820.536.715</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	8.941.945.121	9.223.098.703
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>786.736.561.913</b>	<b>1.102.597.438.012</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	609.651.750.927	939.917.549.573
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>177.084.810.986</b>	<b>162.679.888.439</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	15.782.900.718	16.815.066.188
Chi phí tài chính	22	25	(7.713.449.319)	6.678.161.548
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.567.596.240	5.791.767.074
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(8.097.285.839)	3.736.770.847
Chi phí bán hàng	25	26	100.484.358.832	86.515.397.433
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	68.449.381.566	61.121.994.012
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>23.550.134.786</b>	<b>28.916.172.481</b>
Thu nhập khác	31	28	2.504.405.939	1.444.573.445
Chi phí khác	32	29	333.823.338	9.250.962.649
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.170.582.601</b>	<b>(7.806.389.204)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>25.720.717.387</b>	<b>21.109.783.277</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.944.013.817	5.781.399.167
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	5.906.582.937	158.932.030
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh</b>	<b>60</b>		<b>13.870.120.633</b>	<b>15.169.452.080</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(3.694.451.260)	7.382.603.752
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		17.564.571.893	7.786.848.328
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>32</b>	<b>(84)</b>	<b>99</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng

Bùi Mạnh Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>25.720.717.387</b>	<b>21.109.783.277</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.284.458.273	9.696.750.568
Các khoản dự phòng	03	(15.280.422.517)	3.655.037.906
Lỗ/(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(527.630.933)	(227.131.518)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(14.203.225.673)	(19.722.246.367)
Chi phí lãi vay	06	3.567.596.240	5.791.767.074
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>7.561.492.777</b>	<b>20.303.960.940</b>
Giảm các khoản phải thu	09	245.567.853.387	244.857.079.384
(Tăng) hàng tồn kho	10	(15.339.852.990)	(202.955.397)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(226.708.481.165)	(372.141.868.181)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.636.958.770	7.000.332.030
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.455.803.147)	(5.673.087.482)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.565.061.867)	(6.116.136.497)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.697.105.765</b>	<b>(111.972.675.203)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(30.797.595.569)	(2.257.422.731)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	290.909.091	20.910.051.819
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(68.556.098.223)	(101.455.437.799)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	72.209.352.519	119.123.842.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23.270.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	27.660.560.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.884.967.760	15.559.038.988

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(9.577.904.422)</b>	<b>51.880.072.277</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	287.260.625.917	335.850.586.924
Tiền trả nợ gốc vay	34	(298.780.100.445)	(296.274.634.625)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.292.219.395)	(22.671.130.836)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(18.811.693.923)</b>	<b>16.904.821.463</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(25.692.492.580)</b>	<b>(43.187.781.463)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>127.198.595.697</b>	<b>170.380.413.803</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.601.871	5.963.357
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>101.507.704.988</b>	<b>127.198.595.697</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Mạnh Hùng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2019 là 88 người (tại ngày 31/12/2018 là 88 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
<b>I</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
	Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Đào tạo	100%
<b>II</b>	<b>Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính</b>			
1	Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa (*)	Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất, mua bán thiết bị điện	51,07%
2	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
3	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
4	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
5	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%
6	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, toàn nhà Sudico, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%
7	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Số 11B Phan Huy Chú, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%

(\*) Ngày 09/07/2019, Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ 1.123.600 cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa, tương đương với tỷ lệ 51,07% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa theo Quyết định số 301/QĐ/ĐT-KHĐT cùng ngày. Theo đó, kết quả kinh doanh hợp nhất được tính trên Bảng cân đối kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa từ ngày 01/01/2019 đến ngày 09/07/2019.

**III Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%
4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

6	Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07 Khu công nghiệp Bình Xuyên II, Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Sản xuất	30,68%
---	-------------------------	---	----------	--------

**IV Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp giá gốc**

1	Công ty Cổ phần Điện từ Thủ Đức 1	30 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long A, TP HCM	Sản xuất sản phẩm điện từ	34,92%
---	--------------------------------------	--	------------------------------	--------

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn thực góp thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT (TIẾP)**

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên danh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần vốn góp của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2. CƠ SỞ HỢP NHẤT (TIẾP)**

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**2.3. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí hợp nhất trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

*Đầu tư và công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50
- Máy móc, thiết bị	03 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Tổng Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và lắp đặt*

Doanh thu hoạt động cung cấp và lắp đặt thiết bị điện tử cho các dự án được ghi nhận khi các bên nghiệm thu khối lượng hoàn thành lắp đặt và được chấp nhận thanh toán.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Tổng Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với bên liên quan phát sinh trong năm 2019 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.908.777.404	2.084.177.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.098.927.584	34.584.212.909
Các khoản tương đương tiền (*)	73.500.000.000	90.530.205.499
	<b>101.507.704.988</b>	<b>127.198.595.697</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	287.396.250	-	287.396.250	-
- + Cổ phiếu	287.396.250	-	287.396.250	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng	63.897.660.930	63.897.660.930	100.723.102.294	100.723.102.294
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	62.217.660.930	62.217.660.930	98.505.731.818	98.505.731.818
- Trái phiếu	62.217.660.930	62.217.660.930	98.505.731.818	98.505.731.818
	1.680.000.000	1.680.000.000	2.217.370.476	2.217.370.476
	-	-	537.370.476	537.370.476
	1.680.000.000	1.680.000.000	1.680.000.000	1.680.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**5.2.1 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	-	-	1.491.178.546	-
+ Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	-	-	1.491.178.546	-
	-	-	1.491.178.546	-

**5.2.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	29.621.270.000	-	29.915.290.000	(12.907.990.640)
+ Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	-	294.020.000	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	29.621.270.000	-	29.621.270.000	(12.907.990.640)
	29.621.270.000	-	29.915.290.000	(12.907.990.640)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**5.2.3 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc VND	Theo phương pháp VCSH VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Theo phương pháp VCSH VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	65.657.568.728	60.210.370.854	-	41.810.608.312	44.460.696.278	-
+ Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	21.684.417.517	22.668.106.673	-	21.684.417.517	23.120.065.811	-
+ Công ty Cổ phần Vietrolimex	13.987.729.333	16.896.429.044	-	13.987.729.333	16.549.744.635	-
+ Công ty Đầu tư Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	-	-	1.276.595.137	-	-
+ Công ty Cổ phần CK ĐT Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	1.867.790.446	-	2.278.518.130	2.899.978.051	-
+ Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	1.039.740.460	-	895.348.195	1.045.905.632	-
+ Công ty TNHH DM Vina	23.846.960.416	16.893.302.082	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	-	-	510.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	845.002.149	-	1.178.000.000	845.002.149	-
	<b>65.657.568.728</b>	<b>60.210.370.854</b>	-	<b>41.810.608.312</b>	<b>44.460.696.278</b>	-
				<b>31/12/2019</b>		
				<b>01/01/2019</b>		
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	300.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics	1.800.000.000	(1.107.420.074)	1.800.000.000	(1.107.420.074)	1.800.000.000	(1.107.420.074)
+ Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 (*)	<b>1.800.000.000</b>	<b>(1.107.420.074)</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>(1.107.420.074)</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>(1.107.420.074)</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 được trình bày theo giá gốc do tại 31/12/2019 Công ty Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, phải thu khách hàng và phải thu về cho vay ngắn hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>272.240.667.220</b>	<b>(18.571.666.277)</b>	<b>521.910.946.898</b>	<b>(19.271.241.160)</b>
- Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà	782.988.019	-	782.988.019	-
- Ban quản lý Dự án thủy điện 7	-	-	900.000.000	(630.000.000)
- Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	54.029.244.816	-	32.325.399.655	-
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc	62.243.666.534	-	41.049.186.348	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
- Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	(455.085.690)	4.879.176.378	(455.085.690)
- Công ty CP Công Nghệ và Truyền thông Quốc tế Incotec	7.600.151.369	-	10.206.788.269	-
- Công ty TNHH Đầu tư Sunway Việt Nam	3.130.335.242	-	4.699.414.542	-
- Công ty TNHH Skyworth Việt Nam	-	-	175.180.555.004	-
- Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	14.149.492.303	-	29.119.517.960	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công nghiệp Thăng Long	1.376.719.406	-	82.470.085.791	-
- Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	31.013.690.713	-	-	-
- Các đối tượng khác	94.659.293.128	(15.316.580.587)	137.497.834.932	(15.386.155.470)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>272.240.667.220</b>	<b>(18.571.666.277)</b>	<b>521.910.946.898</b>	<b>(19.271.241.160)</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.888.708.614</b>	<b>(938.536.895)</b>	<b>4.235.601.594</b>	<b>(280.160.201)</b>
- Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	4.615.576.963	(665.405.244)	3.947.469.943	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	288.131.651	(280.160.201)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.453.938.076</b>	<b>(10.429.784.314)</b>	<b>33.447.997.460</b>	<b>(10.906.306.424)</b>
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	7.357.124.155	-	9.798.004.379	(493.630.926)
- Ký cược, ký quỹ	1.218.152.587	-	450.216.872	-
- Lãi dự thu	1.905.913.674	-	3.545.274.599	-
- Phải thu BHXH, BHYT, KPCĐ	11.900.677	-	206.324.912	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	189.000.000	-	231.700.000	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	16.771.846.983	(10.429.784.314)	19.216.476.698	(10.412.675.498)
<i>Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>
<i>Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>
<i>Công ty TNHH Kiến Quang</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>
<i>Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An</i>	<i>2.694.230.000</i>	-	<i>2.694.230.000</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>7.199.589.810</i>	<i>(3.551.757.141)</i>	<i>9.644.219.525</i>	<i>(3.534.648.325)</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>186.965.200</b>	-	<b>3.817.020.884</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	90.720.000	-	62.635.680	-
- Phải thu khác	96.245.200	-	3.754.385.204	-
	<b>27.640.903.276</b>	<b>(10.429.784.314)</b>	<b>37.265.018.344</b>	<b>(10.906.306.424)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. NỢ XẤU**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Phải thu khách hàng</i>				
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	22.085.353.088	(18.571.666.277)	3.513.686.811	23.616.456.648
+ Công ty TNHH Kiến Quang	3.808.718.106	(3.777.912.210)	30.805.896	3.833.790.106
+ Công ty Cổ phần Điện tử Thủ đức 1	2.671.677.540	(2.671.677.540)	-	2.671.677.540
+ Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân	668.107.020	(665.405.244)	2.701.776	668.679.020
+ Công ty Cổ phần TMDV Bình Minh	97.369.095	(97.369.095)	-	97.369.095
+ Ông/Bà Huỳnh Anh Hiệp	273.131.651	(273.131.651)	-	288.131.651
- Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	98.432.800	(70.328.680)	28.104.120	107.932.800
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	5.880.474.621	(4.681.800.225)	1.198.674.396	5.889.121.160
+ Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạc Việt	3.619.190.948	(3.619.190.948)	-	4.119.190.948
+ Các đối tượng khác	747.000.000	(747.000.000)	-	747.000.000
- Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	1.514.283.673	(315.609.277)	1.198.674.396	1.022.930.212
+ Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	-	-	-	179.314.088
+ Ông/Bà Hoàng Văn Hiếu	-	-	-	129.348.000
+ Công ty TNHH Đại Hùng	-	-	-	2.900.000
+ Công ty TNHH nhân lực Việt	-	-	-	21.392.905
+ Công ty TNHH Đại Lục	-	-	-	15.000.000
+ Cửa hàng Huy Thảng - Hiệp Tính	-	-	-	9.023.183
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	56.591.753	(48.411.854)	8.179.899	56.591.753
+ Các đối tượng khác	56.591.753	(48.411.854)	8.179.899	56.591.753
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	587.070.283	(587.070.283)	-	587.070.283
+ Công ty Liên doanh Golf Hà Nội	484.966.883	(484.966.883)	-	484.966.883
+ Công ty Phát triển công nghệ & Thương mại Đồng Đa	102.103.400	(102.103.400)	-	102.103.400

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. NỢ XẤU (TIẾP)**

	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.103.481.107	(1.103.481.107)	-	618.979.207	(618.979.207)	-
+ Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	(455.085.690)	-	455.085.690	(455.085.690)	-
+ Công ty Cổ phần Vietronic Đổng Đa	484.501.900	(484.501.900)	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Tin học Nguyễn Hưng	28.276.080	(28.276.080)	-	28.276.080	(28.276.080)	-
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 4 - Xi nghiệp Xây Dựng số 8	82.566.920	(82.566.920)	-	82.566.920	(82.566.920)	-
+ Cửa hàng giới thiệu tiêu thụ và BH sản phẩm - Công ty Điện tử Đổng Đa	53.050.517	(53.050.517)	-	53.050.517	(53.050.517)	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	4.033.441.907	(1.757.415.287)	2.276.026.620	4.936.014.740	(1.796.987.939)	3.139.026.801
+ Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Cường Nga	1.050.725.814	(264.777.857)	785.947.957	2.001.113.564	(305.860.549)	1.695.253.015
+ Các đối tượng khác	2.982.716.093	(1.492.637.430)	1.490.078.663	2.934.901.176	(1.491.127.390)	1.443.773.786
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	6.615.575.311	(6.615.575.311)	-	7.515.575.311	(7.245.575.311)	270.000.000
+ Ban quản lý Dự án thủy điện 7	-	-	-	900.000.000	(630.000.000)	270.000.000
+ Công ty Điện tử Công nghiệp	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-
+ Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-
<i>Trả trước cho người bán</i>	<b>5.354.351.000</b>	<b>(5.354.351.000)</b>	-	<b>5.354.351.000</b>	<b>(5.354.351.000)</b>	-
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
+ Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**8. NỢ XẤU (TIẾP)**

	31/12/2019		01/01/2019			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
+ Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Nhị Hà	500.000.000	(500.000.000)	-	500.000.000	(500.000.000)	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>11.389.082.531</b>	<b>(10.429.784.314)</b>	<b>959.298.217</b>	<b>9.796.614.718</b>	<b>(9.773.475.165)</b>	<b>23.139.553</b>
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.719.188.518	(6.719.188.518)	-	6.719.188.518	(6.719.188.518)	-
+ Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-	2.570.029.600	(2.570.029.600)	-
+ Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-
+ Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-	1.949.158.918	(1.949.158.918)	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	-	-	-	655.489.878	(632.350.325)	23.139.553
+ Ông/Bà Nguyễn Thị Tâm	-	-	-	459.630.926	(459.630.926)	-
+ Ông/Bà Hoàng Anh Tuấn	-	-	-	34.000.000	(34.000.000)	-
+ Ông/Bà Lê Tuấn Anh - Trung Tâm Công nghệ	-	-	-	90.991.745	(67.852.192)	23.139.553
+ Các đối tượng khác	-	-	-	70.867.207	(70.867.207)	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.580.107.721	(1.204.811.380)	375.296.341	71.980.121	(71.980.121)	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	1.508.127.600	(1.132.831.259)	375.296.341	-	-	-
+ Các đối tượng khác	71.980.121	(71.980.121)	-	71.980.121	(71.980.121)	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	750.442.331	(166.440.455)	584.001.876	10.612.240	(10.612.240)	-
+ Các khoản phải thu khác	750.442.331	(166.440.455)	584.001.876	10.612.240	(10.612.240)	-
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	2.339.343.961	(2.339.343.961)	-	2.339.343.961	(2.339.343.961)	-
+ Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-
+ Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	(231.346.388)	-	231.346.388	(231.346.388)	-
	<b>38.828.786.619</b>	<b>(34.355.801.591)</b>	<b>4.472.985.028</b>	<b>38.767.422.366</b>	<b>(33.914.565.425)</b>	<b>4.852.856.941</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	28.300.765	-	8.402.181.545	-
Nguyên liệu, vật liệu	24.215.733.398	(109.012.484)	28.658.881.962	-
Công cụ, dụng cụ	232.455.244	-	237.641.126	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.522.359.865	-	36.061.576.678	-
Thành phẩm	90.306.671.216	(2.643.485.632)	79.933.495.260	(1.897.004.123)
Hàng hóa	63.064.456.411	(1.082.271.004)	40.875.709.811	(3.243.732.046)
Hàng gửi bán	551.366.824	-	412.004.351	-
	<b>209.921.343.723</b>	<b>(3.834.769.120)</b>	<b>194.581.490.733</b>	<b>(5.140.736.169)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2019	129.132.454.769	40.530.424.887	21.065.054.601	1.960.022.906	192.687.957.163
- Mua trong kỳ	-	-	639.214.545	-	639.214.545
- Đầu tư XDCB hoàn thành	492.338.000	337.000.000	-	-	829.338.000
- Hủy tài sản tại Viettronics Tân Bình	-	(70.211.600)	-	-	(70.211.600)
- Thanh lý, nhượng bán	(32.000.250)	(38.775.000)	(865.664.926)	-	(936.440.176)
- Giảm do thoái vốn	(1.139.148.500)	-	-	(271.547.403)	(1.410.695.903)
- Giảm khác	-	(382.665.870)	-	-	(382.665.870)
<b>31/12/2019</b>	<b>128.453.644.019</b>	<b>40.375.772.417</b>	<b>20.838.604.220</b>	<b>1.688.475.503</b>	<b>191.356.496.159</b>
<b>HAO MÒN LÚY KẾ</b>					
01/01/2019	(74.861.824.725)	(30.591.131.249)	(15.866.282.428)	(1.960.022.906)	(123.279.261.308)
- Khấu hao trong năm	(4.054.312.244)	(1.244.264.002)	(1.623.815.509)	-	(6.922.391.755)
- Thanh lý, nhượng bán	32.000.250	38.775.000	865.664.926	-	936.440.176
- Giảm do thoái vốn	911.629.329	-	-	271.547.403	1.183.176.732
- Hủy tài sản tại Viettronics Tân Bình	-	70.211.600	-	-	70.211.600
<b>31/12/2019</b>	<b>(77.972.507.390)</b>	<b>(31.726.408.651)</b>	<b>(16.624.433.011)</b>	<b>(1.688.475.503)</b>	<b>(128.011.824.555)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2019	54.270.630.044	9.939.293.638	5.198.772.173	-	69.408.695.855
31/12/2019	50.481.136.629	8.649.363.766	4.214.171.209	-	63.344.671.604

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 88.533.168.356 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.506.181.135</b>	<b>4.804.361.466</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.696.670	132.816.159
- Chi phí mua bảo hiểm	-	46.913.231
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.493.484.465	4.624.632.076
<b>Dài hạn</b>	<b>10.977.200.111</b>	<b>14.933.312.680</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	358.020.661	910.642.251
- Chi phí sửa chữa	5.198.163.453	7.573.374.107
- Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	37.679.081	19.428.246
- Chi phí dự án CCTV	163.114.484	380.600.396
- Chi phí thuê văn phòng	3.711.393.949	3.808.848.493
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.508.828.483	2.240.419.187
	<b>17.483.381.246</b>	<b>19.737.674.146</b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>01/01/2019</b>	<b>43.964.970.144</b>	<b>1.959.028.960</b>	<b>564.916.227</b>	<b>46.488.915.331</b>
- Giảm do thoái vốn	-	-	(260.487.598)	(260.487.598)
<b>31/12/2019</b>	<b>43.964.970.144</b>	<b>1.959.028.960</b>	<b>304.428.629</b>	<b>46.228.427.733</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
<b>01/01/2019</b>	<b>(5.703.094.901)</b>	<b>(1.617.578.107)</b>	<b>(408.122.209)</b>	<b>(7.728.795.217)</b>
- Khấu hao trong năm	(609.000.552)	(117.009.996)	(156.794.018)	(882.804.566)
- Giảm do thoái vốn	-	-	260.487.598	260.487.598
<b>31/12/2019</b>	<b>(6.312.095.453)</b>	<b>(1.734.588.103)</b>	<b>(304.428.629)</b>	<b>(8.351.112.185)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>01/01/2019</b>	<b>38.261.875.243</b>	<b>341.450.853</b>	<b>156.794.018</b>	<b>38.760.120.114</b>
<b>31/12/2019</b>	<b>37.652.874.691</b>	<b>224.440.857</b>	<b>-</b>	<b>37.877.315.548</b>

Tại 31/12/2019:

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.590.907.589 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**13. TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2019	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>37.747.597.125</b>	-	-	<b>37.747.597.125</b>
- Cơ sở hạ tầng	2.063.958.919	-	-	2.063.958.919
- Nhà cửa, vật kiến trúc	31.872.245.306	-	-	31.872.245.306
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>(28.331.045.142)</b>	<b>(479.261.952)</b>	-	<b>(28.810.307.094)</b>
- Cơ sở hạ tầng	(2.063.958.919)	-	-	(2.063.958.919)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	(24.509.421.387)	(420.443.964)	-	(24.929.865.351)
- Quyền sử dụng đất	(1.757.664.836)	(58.817.988)	-	(1.816.482.824)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>9.416.551.983</b>	<b>(479.261.952)</b>	-	<b>8.937.290.031</b>
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.362.823.919	(420.443.964)	-	6.942.379.955
- Quyền sử dụng đất	2.053.728.064	(58.817.988)	-	1.994.910.076

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại 31/12/2019 số tiền 16.284.367.517 đồng.

**14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>41.461.266.694</b>	<b>36.129.786.391</b>
- Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.716.893.636	4.552.348.182
- Công trình tại Trường Cao đẳng Viettronics	621.809.578	621.809.578
- Dự án điện tim	-	15.082.768.554
- Dự án 21 Đông Các	-	1.220.277.685
- Dự án VTB Green Building	9.444.148.637	9.124.124.755
- Dự án nhà xưởng Cát Lái	23.049.000.297	1.899.043.091
- Các dự án khác	3.629.414.546	3.629.414.546
	<b>41.461.266.694</b>	<b>36.129.786.391</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>142.770.020.561</b>	<b>142.770.020.561</b>	<b>368.482.413.970</b>	<b>368.482.413.970</b>
- Công ty Cổ phần YOTEK	1.747.211.452	1.747.211.452	7.930.227.036	7.930.227.036
- Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển công nghệ Thông tin	1.988.117.169	1.988.117.169	1.988.117.169	1.988.117.169
- Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Dầu khí Biển	26.769.036.937	26.769.036.937	28.458.201.661	28.458.201.661
- ShenZhen ChuangWei - Rgb Electronics Co.,ltd	-	-	183.663.696.985	183.663.696.985
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Thịnh Phát	8.834.375.000	8.834.375.000	25.748.250.000	25.748.250.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Hoàng Kim VKP	-	-	34.022.031.964	34.022.031.964
- Pioneer Singapore	14.598.448.224	14.598.448.224	14.639.108.400	14.639.108.400
- Công ty Cổ phần Hateco CID	21.291.988.016	21.291.988.016	-	-
- Các đối tượng khác	67.540.843.763	67.540.843.763	72.032.780.755	72.032.780.755
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>142.770.020.561</b>	<b>142.770.020.561</b>	<b>368.482.413.970</b>	<b>368.482.413.970</b>
- Công ty Cổ phần Viettronimex	-	-	986.984.637	986.984.637
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Tử Phú Thọ Hoà	401.908.330	401.908.330	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.124.518.861	56.587.251.300	58.527.337.873	1.184.432.288
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.299.418.881	2.299.418.881	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.222.039.839	3.222.039.839	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.901.144.470	5.735.877.838	6.519.931.364	2.117.090.944
- Thuế thu nhập cá nhân	784.373.043	1.909.011.909	2.001.931.118	691.453.834
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	489.169.351	19.481.402.197	18.642.859.116	1.327.712.432
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	203.559.802	203.559.802	-
	<b>7.299.205.725</b>	<b>89.438.561.766</b>	<b>91.417.077.993</b>	<b>5.320.689.498</b>
	<b>01/01/2019</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	975.761.591	6.769.278	45.130.503	1.014.122.816
- Thuế thu nhập cá nhân	62.945.764	62.945.764	-	-
- Thuế khác	360.686	360.686	-	-
	<b>1.039.068.041</b>	<b>70.075.728</b>	<b>45.130.503</b>	<b>1.014.122.816</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.547.463.633</b>	<b>8.607.086.815</b>
- Trích trước chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	717.030.905	440.187.943
- Chi phí nhận hàng nhập khẩu	267.001.400	214.483.880
- Chi phí du lịch	294.042.337	-
- Chiết khấu thương mại	773.488.000	367.292.337
- Chi phí bán hàng	-	2.477.283.000
- Trích trước chi phí khác	1.478.816.656	3.797.210.357
- Chi phí lãi vay	17.084.335	1.310.629.298
<b>Dài hạn</b>	<b>3.497.356.796</b>	<b>3.497.356.796</b>
- Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	3.497.356.796	3.497.356.796
	<b>7.044.820.429</b>	<b>12.104.443.611</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.037.522.553</b>	<b>36.529.289.936</b>
- Kinh phí công đoàn	348.314.653	396.489.076
- Bảo hiểm xã hội	71.433.599	21.228.578
- Bảo hiểm y tế	8.844.166	1.828.844
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.511.338	812.416
- Phải trả về cổ phần hóa	45.176.446	354.227.500
- Nhận ký quỹ, ký cược	2.274.391.255	15.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.286.851.096	20.754.703.522
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	3.910.730.850	6.346.285.687
+ <i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	1.302.400.000	1.302.400.000
+ <i>Khoản trợ cấp người lao động</i>	-	2.830.436.600
+ <i>Khoản phải trả cho Công trình Dự án điện tim</i>	-	1.765.734.978
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	2.073.720.246	8.509.846.257
<b>Dài hạn</b>	<b>31.916.801.083</b>	<b>11.567.829.280</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	31.916.801.083	11.567.829.280
	<b>41.954.323.636</b>	<b>48.097.119.216</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>51.650.121.384</b>	<b>51.650.121.384</b>	<b>269.983.625.917</b>	<b>298.780.100.445</b>	<b>80.446.595.912</b>	<b>80.446.595.912</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III	-	-	59.100.742.393	97.120.781.541	38.020.039.148	38.020.039.148
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (1)	17.094.884.429	17.094.884.429	65.058.667.673	47.963.783.244	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 - TP. Hồ Chí Minh (2)	15.000.000.000	15.000.000.000	92.519.048.000	77.519.048.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Sài Gòn (3)	12.020.315.323	12.020.315.323	36.277.982.884	49.134.392.175	24.876.724.614	24.876.724.614
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (4)	2.150.000.000	2.150.000.000	3.050.000.000	3.887.000.000	2.987.000.000	2.987.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (5)	921.421.632	921.421.632	7.098.684.967	16.166.095.485	9.988.832.150	9.988.832.150
- Ông Nguyễn Khang Trang (6)	317.000.000	317.000.000	-	-	317.000.000	317.000.000
- Ông Nguyễn Đức Tường (6)	230.000.000	230.000.000	-	-	230.000.000	230.000.000
- Vay tổ chức, cá nhân khác (6)	2.200.000.000	2.200.000.000	5.370.000.000	6.970.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
- Các đối tượng khác	216.500.000	216.500.000	8.500.000	19.000.000	227.000.000	227.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Tân Định (7)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>17.277.000.000</b>	<b>17.277.000.000</b>	<b>17.277.000.000</b>	<b>17.277.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Tân Định (7)	17.277.000.000	17.277.000.000	17.277.000.000	-	-	-
	<b>68.927.121.384</b>	<b>68.927.121.384</b>	<b>287.260.625.917</b>	<b>298.780.100.445</b>	<b>80.446.595.912</b>	<b>80.446.595.912</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0531/TD4/19LD ký ngày 01/10/2019, với các điều khoản cụ thể:
- Hạn mức cho cấp tín dụng 50.000.000.000 VND;
  - Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: đến hết ngày 22/05/2020;
  - Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
  - Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
  - Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Lô B58/II – B59/II, Đường số 2E – KCN Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.
- (2) Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 TP.HCM số 0407/2019-HĐCVHM/NHCT924-JSVTB ngày 25/04/2019 với nội dung như sau:
- Hạn mức cho vay: 25.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cho vay: Từ 25/04/2019 đến hết 27/04/2020;
  - Lãi suất cho vay: Lãi suất điều chỉnh, lãi suất quy định trên từng Giấy nhận nợ;
  - Mục đích khoản vay: Bổ sung vốn sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng điện tử (không bao gồm Tivi, Casset, ...);
  - Biện pháp bảo đảm: Bằng các hợp đồng thế chấp sau
    - + Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 0311/2017-HĐTCQTS/NHCT924-JS VTB: Tài sản thế chấp: Quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty với các bên có nghĩa vụ thanh toán bao gồm Công ty Ô tô Toyota Việt Nam, Công ty TNHH ISUZU Việt Nam, Công ty TNHH Việt Nam Suzuki. Tại thời điểm ký kết, các bên thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 16.000.000.000 đồng
    - + Hợp đồng thế chấp Hàng hóa số 0310/2017-HĐTCHH/NHCT924-JS VTB: Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai. Tại thời điểm ký kết, các bên thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 15.000.000.000 đồng.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam CN Đông Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/101317/HĐTD ngày 21/06/2019 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn);
  - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, tối đa 7 tháng;
  - Lãi suất thả nổi được quy định tại khế ước nhận nợ;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC;
  - Tài sản đảm bảo: Đơn vị cầm cố 168 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, với thời hạn 7 năm từ 19/12/2018 đến 19/12/2025 và các hợp đồng gửi tiền thuộc sở hữu của đơn vị tại BIDV Đông Sài Gòn. Cầm cố, thế chấp các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của đơn vị và/hoặc bên liên quan (nếu có) theo đúng quy định.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(4) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 4033/19/TD-TT/II.24 ngày 19/08/2019 với Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng 25.000.000.000 VND. Trong đó hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh 25.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, mục đích bảo lãnh phát hành L/C; Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thuế... Thời hạn của các khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 10 tháng, thời hạn bảo lãnh ghi trên từng cam kết bảo hành. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ từng lần. Tài sản đảm bảo bao gồm: (1) Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng số 01.2013/HĐTVP –VNC – EID ngày 02/04/2013 ký với Công ty TNHH Phát Triển Công Nghiệp Năng Lượng và toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế ký với đối tác, chi tiết được quy định cụ thể trong hợp đồng thế chấp, (2) Toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế được ký kết với các đối tác, (3) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Thủ Đức theo hợp đồng tín dụng số 038/014/18/004 ngày 23/10/2019 với các điều khoản:

- Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 đồng;
- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 03/10/2019 đến 05/10/2020;
- Lãi suất: quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- Kỳ hạn trả nợ theo từng giấy nhận nợ;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí ngân hàng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Tài sản đảm bảo: Tài khoản tiền gửi/chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn của Khách hàng và/hoặc Bên thứ ba mở tại Ngân hàng.

(6) Các khoản vay cá nhân có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 0%/năm - 5%/năm

(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0532/TD4/19CD ký ngày 23/07/2019.

- Hạn mức cho cấp tín dụng: 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: 83 tháng kể từ ngày hợp đồng hạn mức có hiệu lực;
- Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Cát Lái;
- Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
- Thời hạn trả nợ gốc: Khách hàng trả nợ gốc theo lịch trả nợ do Ngân hàng lập và thông báo lịch trả nợ cho Khách hàng;
- Thời hạn trả lãi vay: trả lãi vay cho Ngân hàng trong khoảng thời gian 6 ngày được tính từ ngày tiếp theo của ngày lên phiếu tính lãi là ngày 05 hàng tháng.
- Biện pháp bảo đảm: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Lô B58/II – B59/II, Đường số 2E – KCN Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND					VND	VND		
01/01/2018	438.000.000.000	(13.168.376.473)	(20.110.700.745)	60.334.783.182	26.619.705	37.165.465.020	150.980.498.651	653.228.289.340		
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	7.382.603.752	7.786.848.328	15.169.452.080		
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	-	(25.499.483.256)	(4.714.680.673)	(30.214.163.929)		
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi-	-	-	-	-	-	(3.599.483.256)	(592.985.057)	(4.192.468.313)		
+ Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(21.900.000.000)	(4.121.695.617)	(26.021.695.617)		
- Điều chỉnh thuế GTGT theo Biên bản thanh tra thuế từ năm 2014 đến 2017 tại Văn phòng Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(584.094.210)	-	(584.094.210)		
- Phân phối lợi nhuận tại các công ty con	-	-	-	-	-	(1.361.507.368)	(491.018.766)	(1.852.526.134)		
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(1.361.507.368)	(266.018.766)	(1.627.526.134)		
+ Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	(225.000.000)	(225.000.000)		
- Truy thu thuế tại các công ty con	-	-	-	-	-	(462.773.025)	(145.081.237)	(607.854.262)		
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	3.012.000.710	(762.928.714)	2.249.071.996		
31/12/2018	438.000.000.000	(13.168.376.473)	(20.110.700.745)	60.334.783.182	26.619.705	19.652.211.623	152.653.637.589	637.388.174.881		

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	438.000.000.000	(13.168.376.473)	(20.110.700.745)	60.334.783.182	26.619.705	19.652.211.623	152.653.637.589	637.388.174.881
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(3.694.451.260)	17.564.571.893	13.870.120.633
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(3.029.476.580)	-	(3.029.476.580)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.029.476.580)	-	(3.029.476.580)
- Phân phối lợi nhuận tại các công ty con	-	-	-	-	-	(913.458.691)	(6.980.881.309)	(7.894.340.000)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(746.835.450)	(623.164.550)	(1.370.000.000)
+ Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	(6.224.340.000)	(6.224.340.000)
+ Chi khen thưởng theo QĐ số 26/2019/VTB-QĐ-TGD	-	-	-	-	-	(166.623.241)	(133.376.759)	(300.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(55.924.430)	-	-	-	-	(67.075.570)	(123.000.000)
- Truy thu thuế tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tạm phân phối lợi nhuận 2019 tại JS VTB	-	-	-	490.412.495	-	(1.317.603.035)	(1.750.425.212)	(2.577.615.752)
- Điều chỉnh Quỹ Đầu tư Phát triển tại Công ty Vitek	-	-	-	(110.375.448)	-	110.375.448	-	-
- Thoái vốn tại Công ty CP Viettronics Đồng Đa	-	159.347.952	136.554.053	(752.476.084)	-	6.832.405.453	(17.485.267.675)	(11.109.436.301)
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	24.976.204	(316.480.134)	(291.503.930)
<b>31/12/2019</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.064.952.951)</b>	<b>(19.974.146.692)</b>	<b>59.962.344.145</b>	<b>26.619.705</b>	<b>17.664.979.162</b>	<b>143.618.079.582</b>	<b>626.232.922.951</b>

(\* ) Phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết 01/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 05 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	52.702.500.000	52.702.500.000
	<b>438.000.000.000</b>	<b>438.000.000.000</b>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000
<b>Lợi nhuận đã phân phối</b>	<b>3.029.476.580</b>	<b>25.499.483.256</b>

**20.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.800.000	43.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.800.000	43.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**20.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	59.962.344.145	60.334.783.182
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.619.705	26.619.705

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	771.603.837.772	1.091.331.789.039
Doanh thu hoạt động xây dựng	24.074.669.262	20.488.747.676
	<b>795.678.507.034</b>	<b>1.111.820.536.715</b>
Doanh thu với các bên liên quan	-	10.032.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	-	10.032.000

**22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chiết khấu thương mại	773.488.000	-
Giảm giá hàng bán	359.358.147	15.164.752
Hàng bán bị trả lại	7.809.098.974	9.207.933.951
	<b>8.941.945.121</b>	<b>9.223.098.703</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	585.849.314.723	919.195.199.624
Giá vốn hoạt động xây dựng	23.802.436.204	20.722.349.949
	<b>609.651.750.927</b>	<b>939.917.549.573</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.044.304.862	15.132.388.349
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.357.013.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	689.262.227	1.420.923.571
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	527.630.933	227.131.518
Doanh thu hoạt động tài chính khác	164.689.696	34.622.750
	<b>15.782.900.718</b>	<b>16.815.066.188</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	3.567.596.240	5.791.767.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.124.796.010	1.114.071.602
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	413.346	-
Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(12.907.809.740)	(227.799.360)
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	491.887.934	
Chi phí tài chính khác	9.666.891	122.232
	<b>(7.713.449.319)</b>	<b>6.678.161.548</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>68.449.381.566</b>	<b>61.121.994.012</b>
Chi phí nhân viên	39.235.578.355	40.037.644.529
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	807.688.780	795.409.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.381.960.734	3.595.990.692
Chi phí dự phòng	(355.897.305)	(8.104.051.028)
Chi phí thuế, phí, lệ phí	4.251.686.117	4.962.372.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.037.598.993	3.985.223.828
Chi phí bằng tiền khác	17.090.765.892	15.849.403.529
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>100.484.358.832</b>	<b>86.515.397.433</b>
Chi phí nhân viên	16.775.459.460	17.432.319.765
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.594.983.621	2.008.984.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.872.984.543	5.063.955.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.007.225.692	9.541.383.490
Chi phí bán hàng khác	64.233.705.516	52.468.754.100
	<b>168.933.740.398</b>	<b>147.637.391.445</b>

**27. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	566.833.128.983	768.257.317.304
Chi phí đồ dùng văn phòng	75.760.268	285.145.342
Chi phí nhân công	76.978.474.995	86.107.293.331
Chi phí dự phòng	(482.198.214)	(4.474.699.633)
Khấu hao tài sản cố định	8.128.637.165	9.693.778.267
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.974.289.445	2.548.510.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.421.366.032	29.638.454.009
Chi phí bằng tiền khác	97.408.298.639	78.943.965.117
	<b>766.337.757.313</b>	<b>970.999.764.307</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thu tiền thanh lý, nhượng bán TSCĐ	294.209.091	853.087.171
Thu tiền phạt	114.320.778	458.223.773
Các khoản khác	2.095.876.070	133.262.501
	<b>2.504.405.939</b>	<b>1.444.573.445</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Phạt chất lượng hợp đồng	114.320.778	-
Các khoản tiền phạt, chi phí chậm nộp thuế	110.390.066	237.908.113
Dự phòng phải trả các khoản thuế phải nộp	-	8.301.795.900
Các khoản chi phí khác	109.112.494	711.258.636
	<b>333.823.338</b>	<b>9.250.962.649</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.944.013.817	5.781.399.167
+ Công ty mẹ	-	148.404.095
+ Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	-	68.043.943
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	5.944.013.817	5.564.951.128
	<b>5.944.013.817</b>	<b>5.781.399.167</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (phát sinh tại Công ty con)	2.975.503.485	164.102.986
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(5.170.956)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.931.079.452	-
	<b>5.906.582.937</b>	<b>158.932.030</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2019	Năm 2018
Lỗ/Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(3.694.451.260)	7.382.603.752
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	3.029.476.580
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	43.800.000	43.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(84)	99

(\*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 do Tổng Công ty chưa có dự kiến trích lập quỹ khen thưởng.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi Nghị quyết 01/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 05 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 là 99 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 trước điều chỉnh là 169 VND/CP).

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
+ USD	1.101,22	27.444,20
+ EUR	563,72	576,92

**33.2. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty cổ phần Điện tử và tin học Việt Nam đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng

Bùi Mạnh Hùng